Người ký: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
Cơ quan: Tỉnh Tây Ninh
Thời gian ký: 02.01.2020 15:44:40 +07:00

| | |
|---|---|
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH TÂY NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 495 /BC-UBND | *Tây Ninh, ngày 31 tháng 12 năm 2019* |

# BÁO CÁO
## Tình hình thực hiện chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2019

Thực hiện Công văn số 3765/BKHCN-HVKHCN ngày 22/11/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc báo cáo năm 2019 về tình hình và kết quả thực hiện Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011-2020, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo như sau:

### I. Tình hình tổ chức triển khai chiến lược

**1. Các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, quán triệt nội dung và nhiệm vụ Chiến lược đã tiến hành**

Quán triệt nội dung và nhiệm vụ của Chiến lược, Lãnh đạo tỉnh đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo tuyên truyền nâng cao nhận thức về KH&CN đến các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố thuộc tỉnh đã tích cực tổ chức triển khai cho toàn thể cán bộ, công chức, viên chức (CB,CC,VC) và người lao động hiểu, nắm rõ các nội dung và nhiệm vụ chiến lược đề ra.

Qua đó, trên cơ sở quan điểm, mục tiêu và định hướng nhiệm vụ phát triển KH&CN các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể, xác định rõ trách nhiệm của mình trong việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ mà Chiến lược đã đề ra.

**2. Những nội dung của Chiến lược đã được cụ thể hóa trong kế hoạch và Chiến lược phát triển**

Căn cứ vào định hướng phát triển KH&CN của chiến lược, Tỉnh đã ban hành Quy hoạch phát triển hoạt động khoa học và công nghệ tỉnh Tây Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 tại Quyết định số 21/2014/QĐ-UBND ngày 13/8/2014 của UBND tỉnh Tây Ninh. Hàng năm, các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ vào định hướng Quy hoạch phát triển hoạt động KH&CN làm cơ sở xây dựng, xác định nhiệm vụ KH&CN trên địa bàn tỉnh.

### II. Kết quả thực hiện chiến lược

**1. Kết quả thực hiện các mục tiêu phát triển KH&CN**

**- Đóng góp của KH&CN trong tăng trưởng kinh tế đo bằng chỉ số TFP:**

Hiện nay,chưa có số liệu tính toán chỉ số TFP giai đoạn 2016-2020, Cục Thống kê tỉnh đang thu thập thông tin, tính toán chỉ tiêu TFP vào đầu năm 2021.

Tốc độ tăng TFP của Tây Ninh giai đoạn 2011-2015 liên tục tăng lên qua các năm (luôn có giá trị dương), trong đó: Tăng thấp nhất là năm 2011: 0,51% sau đó đến các năm 2013 tăng 1,73%, năm 2012 tăng 1,83% và năm 2015 tăng 1,87% và tăng cao nhất là năm 2014 (5,4%). Bình quân giai đoạn 2011 - 2015 tốc độ tăng TFP của Tây Ninh đạt 2,28%. Do tốc độ tăng TFP của Tây Ninh qua các năm đều tăng lên nên tỷ phần đóng góp của tăng TFP vào tăng trưởng GRDP đều đạt giá trị dương. Bình quân năm giai đoạn 2011-2015, tỷ phần đóng góp của tăng TFP vào tăng GRDP là 30,62%, trong đó năm 2011 đạt thấp nhất (6,03%), sau đến các năm 2012,2013 và 2015 lần lượt đạt 25,26%, 26,28% và 29,62% và năm 2014 đạt cao nhất (62,40%).

**- Tình hình đầu tư của địa phương từ ngân sách nhà nước năm 2019(% chi ngân sách nhà nước) và đầu tư ngoài ngân sách cho KH&CN (số liệu ước tính):**

+ Tổng đầu tư ngân sách nhà nước về KH&CN trên địa bàn tỉnh năm 2019 là 61.950 triệu đồng bao gồm kinh phí đầu tư phát triển là 28.200 triệu đồng, đầu tư sự nghiệp khoa học là 33.750 triệu đồng chiếm 0.8% trên tổng chi ngân sách địa phương.

+ Đầu tư ngoài ngân sách cho KH&CN trong tỉnh:khoảng4,903 tỷ đồng.

**- Tốc độ đổi mới công nghệ/thiết bị:** hiện nay chưa đánh giá được tốc độ đổi mới công nghệ do gặp khó khăn trong công tác thu thập số liệu về hệ thống ISO, đăng ký Sở hữu trí tuệ trong doanh nghiệp.

Tuy nhiên, trong năm 2019 tỉnh đã hỗ trợ 10 đề án (10 doanh nghiệp, cơ sở sản xuất) ứng dụng máy móc thiết bị đổi mới công nghệ trong sản xuất với tổng kinh phí thực hiện là 4,450 triệu đồng. Trong đó nguồn kinh phí khuyến công quốc gia hỗ trợ 600 triệu đồng, kinh phí khuyến công địa phương hỗ trợ 965 triệu đồng, kinh phí đóng góp của đơn vị thụ hưởng là 2,885 triệu đồng. Hầu hết các đề án được hỗ trợ đều hoạt động có hiệu quả khi ứng dụng máy móc thiết bị mới, nâng cao chất lượng sản phẩm.

**- Giá trị sản phẩm công nghệ cao và ứng dụng công nghệ cao**

Sản phẩm của hoạt động nghiên cứu, ứng dụng KH&CN mặc dù đã đi vào phục vụ các nhiệm vụ thiết thực trong thực tế sản xuất và đời sống, song vẫn chưa nhiều và chưa thật sự trở thành hàng hóa. Việc ứng dụng và nhân rộng kết quả nghiên cứu khoa học còn chậm, hiệu quả chưa rõ nét.

**- Số tổ chức KH&CN theo các thành phần công lập, ngoài công lập và theo các lĩnh vực hoạt động KH&CN:** trên địa bàn tỉnh hiện có 01 tổ chức KH&CN công lập; 03 tổ chức KH&CN ngoài công lậpvà 01 chi nhánh của tổ chức KH&CN trung ương đặt tại địa phương.

**Bảng 1.** Thống kê các tổ chức KH&CN

| Tổ chức KH&CN trực | Tổng số | Theo lĩnh vực nghiên cứu KH&CN | Theo loại hình kinh tế |
|---|---|---|---|

| thuộc | | Khoa học tự nhiên | Khoa học kỹ thuật và công nghệ | Khoa học y, dược | Khoa học nông nghiệp | Khoa học xã hội | Khoa học nhân văn | Nhà nước | Ngoài nhà nước | Có vốn đầu tư nước ngoài |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| Cơ quan quản lý nhà nước | 01 | | X | | X | | | X | | |
| Viện nghiên cứu của trung ương trên địa bàn*(Chi nhánh của Tổ chức KH&CN)* | 01 | | | X | | | | | X | |
| Viện nghiên cứu của địa phương, bệnh viện | 01 | | X | | | X | | | X | |
| Trường học các cấp (đại học, cao đẳng, dạy nghề, phổ thông các cấp) | 0 | | | | | | | | | |
| Các trung tâm khuyến nông, trung tâm thông tin, trung tâm huấn luyện thể dục, thể thao,… | 0 | | | | | | | | | |
| Các tổ chức sự nghiệp khác: | 02 | | X | | | X | | | X | |
| Doanh nghiệp | 0 | | | | | | | | | |

- Số cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ phân theo trình độ được đào tạo và lĩnh vực hoạt động (làm quản lý, nghiên cứu, giảng dạy): 807người,cụ thể:

**Bảng 2.** Thống kê số cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

| Số cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thuộc | Tổng số | Chia theo trình độ | | | | | Chức danh | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | TSKH và TS | Thạc sĩ | Đại học | Cao đẳng | Khác | Giáo sư | Phó Giáo sư |
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Cơ quan quản lý nhà nước | 90 | 09 | 24 | 54 | - | 02 | - | 1 |
| Viện nghiên cứu của trung ương trên địa bàn(*Chi nhánh của Tổ chức KH&CN)* | 0 9 | - | - | 04 | - | 05 | - | - |
| Viện nghiên cứu của địa phương, bệnh viện | 09 | 01 | 02 | 06 | - | - | - | - |
| Trường học các cấp (đại học, cao đẳng, dạy nghề, phổ thông các cấp) | 112 | 20 | 45 | 36 | - | 02 | - | 09 |
| Các trung tâm khuyến nông, trung tâm thông tin, trung tâm huấn luyện thể dục, thể thao,… | 49 | 03 | 12 | 31 | 03 | - | - | - |
| Các tổ chức sự nghiệp khác *(Ngành y tế:497 cán bộ tham gia nghiên cứu)* | 514 | 01 | 111 | 251 | 151 | - | - | - |
| Doanh nghiệp | 24 | - | 02 | 20 | - | - | 01 | 01 |

- Số doanh nghiệp KH&CN được cấp giấy chứng nhận trong năm 2019: 01 doanh nghiệp.

- Số cơ sở ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao được cấp giấy chứng nhận trong năm 2019: không có.

**Bảng 3.** Số doanh nghiệp KH&CN và cơ sở ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao được cấp giấy chứng nhận cho đến 31/12/2019

| **Lĩnh vực** | **Doanh nghiệp KH&CN** | **Cơ sở ươm tạo DNCNC** |
|---|---|---|
| Khoa học tự nhiên | 0 | 0 |
| KH Kỹ thuật và công nghệ | 02 | 0 |
| KH Y, dược | 0 | 0 |
| KH nông nghiệp | 0 | 0 |

| | | |
|---|---|---|
| KHXH | 0 | 0 |
| KHNV | 0 | |

**- Số đơn đăng ký sáng chế, giải pháp hữu ích năm 2019:** Hướng dẫn đăng ký bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa cho 24 cơ sở/doanh nghiệp và 03 Hợp tác xã và đăng ký bảo hộ sáng chế/GPHI cho 01 cơ sở; cấp 08 Giấy xác nhận tham gia hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ cho 08 cơ sở/doanh nghiệp

**- Số lượng công trình khoa học công bố trong nước năm 2019 (sách xuất bản, bài viết đăng tạp chí, bài viết tham dự hội thảo,...)**: 04bài viết đăng tạp chí chuyên ngành *(từ kết quả nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh)*, 03 tập san và81 bản tin về KH&CN của tỉnh.

**- Số lượng công trình khoa học công bố quốc tế năm 2019 (sách xuất bản, bài viết đăng tạp chí, bài viết tham dự hội thảo,...):** 01 bài viết đăng tạp chí khoa học quốc tế *(từ kết quả nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh).*

Bảng 4: Số lượng công trình khoa học công bố năm 2019

| | Trong nước | Quốc tế |
|---|---|---|
| Sách xuất bản | 0 | |
| Sách, bài giảng | 0 | |
| Bài viết đăng tạp chí | 05 | |
| Bài viết tham dự hội thảo | 0 | |

**2. Tình hình thực hiện các định hướng nhiệm vụ phát triển KH&CN trong năm 2019**

2.1.Một số kết quả nổi bật của hoạt động nghiên cứu KH&CN

Việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ KH&CN trên địa bàn tỉnh đã bám sát định hướng ưu tiên của Chiến lược KH&CN và kế hoạch phát triển KH&CN tỉnh giai đoạn 2011-2020. Tổng số nhiệm vụ KH&CN theo dõi thực hiện trong năm 2019 là: 32 nhiệm vụ. Trong đó:

+ Nhiệm vụ thuộc Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KH&CN thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2025: 01 dự án do Trung ương quản lý (nhiệm vụ chuyển tiếp từ năm 2017) .

+ Nhiệm vụ cấp tỉnh: 23 (Nghiệm thu trong năm: 06; triển khai mới trong năm: 2; nhiệm vụ chuyển tiếp: 13; đang hoàn chỉnh hồ sơ: 02).

+ Nhiệm vụ KH&CN (đề tài, dự án) cấp cơ sở: 08(danh mục 2019: 02; nhiệm vụ chuyển tiếp: 06).

Trong đó:

+ Lĩnh vực Khoa học tự nhiên: 01/32 (3,125%)

+ Lĩnh vực Khoa học kỹ thuật và công nghệ: 8/32 (25%)

+ Lĩnh vực Khoa học nông nghiệp: 13/32 (40,625%)

+ Lĩnh vực Khoa học y, dược: 0

+ Lĩnh vực Khoa học xã hội và nhân văn: 10/32 (31,25%)

Cáckết quả nghiên cứu của các đề tài đã góp phần nâng cao nhận thức cho nhân dân về tầm quan trọng của việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, phát triển nền nông nghiệp bền vững, góp phần phát triển KT-XH của địa phương như:

- Trong lĩnh vực Khoa học nông nghiệp: kết quả nghiên cứu góp phần nâng cao năng suất, chất lượng cây trồng, vật nuôi, tăng chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng điển hình như:

+ Đề tài "*Nghiên cứu tuyển chọn giống và kỹ thuật thâm canh, tăng năng suất, chất lượng nhãn huyện Hòa Thành, Tây Ninh*",kết quả cho thấy việc áp dụng quy trình kỹ thuật canh tác, biện pháp bảo quản nhãn sau thu hoạch tại huyện Hòa Thành thì tỷ lệ bệnh thối nâu giảm từ 52,44-52,99%, năng suất tăng 57,34 - 58,8%; giảm tỷ lệ rụng trái non sau 10 tuần phun từ 33,69 - 35,63%, năng suất tăng từ 67,59 - 84,56% so với nghiệm thức đối chứng; tăng độ chắc thịt quả và duy trì được chất lượng quả tốt hơn sau khi thu hoạch ở nhiệt độ phòng đến 6 ngày; tăng độ ngọt của quả. Bảo quản nhãn tiêu da bò bằng màng chitosan 1% + PE đục lỗ đã duy trì chất lượng quả trong thời gian 20 ngày. Hiện nay, Hội nông dân huyện Hòa Thành đang tiến hành đăng ký bảo hộ nhãn hiệu cho sản phẩm trái nhãn của huyện Hòa Thành và được Cục sở hữu trí tuệ chấp nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ. Nhãn hiệu "Nhãn Hòa Thành" có khả năng thương mại và tính cạnh tranh cao; các biện pháp, quy trình kỹ thuật có khả năng ứng dụng, chuyển giao cho một số vùng trong tỉnh có điều kiện tương tự, nhằm phát triển sản phẩm, tăng thu nhập cho người dân, góp phần phát triển kinh tế địa phương.

+ Dự án sản xuất thử nghiệm: *"Nhân nuôi, sản xuất hàng loạt ong mắt đỏ phòng trừ sâu đục thân hại mía trên địa bàn tỉnh Tây Ninh"* do Công ty Cổ phần nghiên cứu, ứng dụng mía đường Thành Thành Công (SRDC) chủ trì thực hiện, kết quả cho thấy SRDC đã làm chủ công nghệ nhân nuôi ong mắt đỏ; Về kiểm soát sâu đục thân, kết quả khảo nghiệm cho thấy, việc áp dụng thả bổ sung ong mắt đỏ *Trichogramma chilonis* Ishii với mật độ thả 50.000 ong/ha/đợt, thảliên tục trong 6 đợt với chu kỳ 7 ngày thả 1 đợt từ tháng 04 đến tháng 07 cho hiệu quả cao trong phòng trừ sâu đục thân ở giai đoạn đầu của sinh trưởng cây mía. Cụ thể, tỷ lệ cây bị hại và tỷ lệ lóng bị hại tại các lô có thả ong mắt đỏ giảm tương đương 2,88% và 1,23% so với các lô không thả. Theo tính toán, lợi nhuận thu được của các lô thả bổ sung OMĐ cao hơn so với các lô không thả bổ sung, tăng 4.905.000 đồng/ha, tỷ suất sinh lợi tăng 6,77%.

Hiện SRDC đang mở rộng quy mô và cải tiến kỹ thuật nhân nuôi để tăng diện tích mía sử dụng ong mắt đỏ phòng trừ sâu đục thân, không chỉ cho vùng mía tại Tây Ninh mà còn mở rộng ra vùng mía các khu vực khác như miền Trung, Tây Nguyên, Campuchia và Lào với khả năng cung ứng ong cho hơn 7,000 ha trong vụ mía 2019/2020 và tăng lên 40,000 ha trong thời gian tới.

- Lĩnh vực khoa học Kỹ thuật và Công nghệ: có một số kết quả điển hình như:

Đề tài *"Nghiên cứu chế biến sản phẩm nước trái cây lên men từ trái mãng cầu ta Tây Ninh"*, sản phẩm nước mãng cầu ta lên men được sản xuất theo quy trình có chất lượng tốt, đồng đều và ổn định. Quy trình kỹ thuật sản xuất dịch quả mãng cầu ta lên men được chuyển giao cho Trung tâm Khoa học và Công nghệ Tây Ninh ứng dụng và tiếp tục xin hỗ trợ dự án sản xuất, đầu tư mua máy móc thiết bị sản xuất nước ép mãng cầu ta lên men ở quy mô công nghiệp, góp phần nâng cao giá trị sử dụng, đa dạng hoá sản phẩm từ trái mãng cầu ta Tây Ninh, giúp người nông dân sẽ có thêm kênh tiêu thụ trái mãng cầu, và nâng cao hiệu quả sản xuất.

Đề tài *"Mô hình máy phay CNC"*với sản phẩm là mô hình máy phay CNC (đảm bảo các chức năng cơ bản của một máy phay CNC thực tế) phục vụ trực tiếp cho công tác giảng dạy tích hợp lý thuyết và thực hành ở Bộ môn cắt gọt kim loại thuộc Trường Cao đẳng nghề Tây Ninh. Qua đó, góp phần đào tạo những học viên có tay nghề kỹ thuật cao trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. Ngoài ra mô hình máy phay CNC này cũng đã đạt thành tích Giải Nhì tại Hội thi thiết bị đào tạo tự làm toàn quốc lần thứ VI năm 2019.

2.2 Một số kết quả nổi bật của hoạt động ứng dụng khoa học và chuyển giao công nghệ:

- Ban hành Hướng dẫn quy trình chuyển giao mô hình ứng dụng tiến bộ KH&CN tại các huyện, thành phố gửi UBND các huyện, thành phố.

- Ký kết kế hoạch phối hợp hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN) năm 2019 giữa Sở KH&CN với Hội Nông dân tỉnh, Tỉnh Đoàn và Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật;

- Tổ chức 41 lớp đào tạo, tập huấn và chuyển giao các mô hình: đệm lót sinh học trong chăn nuôi; rau thủy canh; trồng lan Denro; xử lý rác quy mô hộ gia đình; trồng rau hữu cơ; rau mầm; ủ phân hữu cơ; mô hình Aquaponics; thiết bị lọc nước; đèn chiếu sáng năng lượng mặt trời đến các xã, phường, thị trấn thuộc 9 huyện, thành phố của tỉnh; mô hình trồng rau thủy canhcải thiện đời sống, nâng cao sức khỏe các chiến sĩ theo Chương trình phối hợp giữa Sở Khoa học và Công nghệ với Đồn Biên phòng Ninh Điền (845).

- Nhận chuyển giao mô hình trồng giống nấm mối đen, nấm chân dài; triển khai mô hình trồng dưa lưới trong nhà màn; thực hiện mô hình sản xuất giống lan cắt cành (*Dedrobium Sonia earsakul; White 5N) và chuối tiêu Cavendish SP bằng phương pháp nuôi cấy mô;* Nhân giống lan Ngọc Điểm rừng nhằm đa dạng hóa sản phẩm Trại Công nghệ sinh học của tỉnh.

2.3 Các sản phẩm nổi bật có ý nghĩa quốc gia có được từ hoạt động nghiên cứu KH&CN, ứng dụng khoa học và chuyển giao công nghệ:

Trong năm 2019 không có sản phẩm nổi bật có ý nghĩa quốc gia có được từ hoạt động nghiên cứu KH&CN.

2.4. Các định hướng nghiên cứu KH&CN và nhiệm vụ KH&CN chưa triển khai:

**-Các định hướng nghiên cứu KH&CN:**

Trên cơ sở mục tiêu, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, phát triển KT-XH của tỉnh, huyện, thành phố, các sở ban ngành trong tỉnh, tập trung nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao KH&CN trong từng lĩnh vực cụ thể như:

*Trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp:*

+ Chú trọng đổi mới công tác giống cây trồng, vật nuôi: Công tác giống phải được tiến hành thường xuyên, liên tục, có hệ thống và quản lý chặt chẽ theo đúng tinh thần Pháp lệnh giống cây trồng, chú trọng phương châm xã hội hóa công tác giống; tiêu chuẩn giống tốt trước hết phải có năng suất và chất lượng cao, chống chịu được các điều kiện ngoại cảnh ở địa phương, kháng sâu bệnh, đạt tiêu chuẩn hàng nông sản xuất khẩu (nông sản sạch). Trong đó, ưu tiên cho giống cây trồng, vật nuôi chủ lực, những mô hình mới chuyển đổi (rau, cây ăn quả, cá, bò thịt, bò sữa, cỏ, hoa, cây cảnh, chim, thú, cá cảnh,…).

+ Giải pháp về thực hiện các biện pháp kỹ thuật trong canh tác một số cây trồng, vật nuôi: Ứng dụng rộng rãi các tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp như: Sử dụng màng phủ nilon, xây dựng nhà lưới, nhà kính, áp dụng phương pháp canh tác mới tiết kiệm nước tưới, hạn chế tình trạng rửa trôi xói mòn đất canh tác và cạnh tranh của cỏ dại, tận dụng ánh sáng,… trong sản xuất rau sạch, rau an toàn. Ứng dụng rộng rãi cơ giới hóa ở hầu hết các khâu trong sản xuất nông nghiệp như: máy làm đất chuyên dùng, máy rạch hàng, máy bón phân, máy cắt cỏ, bơm chuyên dùng tưới rau, hoa, cỏ, xe chuyên dùng chở vật tư, sản phẩm,… Ứng dụng rộng rãi công nghệ sau thu hoạch nhằm giảm tỷ lệ hao hụt, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm,…

+ Phát triển nông nghiệp theo hướng đạt tiêu chuẩn xuất khẩu (VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ) gắn với phát triển các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và từng bước nhân ra diện rộng và hình thành nền nông nghiệp an toàn, bền vững, hướng đến chất lượng theo thị trường xuất khẩu.

*Trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ:*

Ưu tiên nghiên cứu, lựa chọn, chuyển giao công nghệ tiên tiến, phù hợp phục vụ công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp cho một số ngành công nghiệp khai thác, chế biến, bảo quản (nông, lâm sản; thực phẩm; khoáng sản), nâng cao chất lượng, hiệu quả, đa dạng hóa các mặt hàng, sản phẩm xuất khẩu, tập trung triển khai các giải pháp cụ thể đưa du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh:

+ Nghiên cứu các giải pháp đẩy mạnh các loại hình dịch vụ: dịch vụ công, dịch vụ phát triển du lịch; giải pháp khai thác tốt tiềm năng và pát triển mô hình du lịch sinh thái - văn hóa - nhân văn tỉnh Tây Ninh; giải pháp hỗ trợ phát triển các làng nghề truyền thống, cơ sở sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ của tỉnh gắn với phát triển du lịch;

+ Nghiên cứu các giải pháp nâng cao chất lượng các công trình xây dựng (vật liệu xây dựng, giải pháp nền móng); Nghiên cứu các giải pháp thu hút vốn đầu tư và xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội;

+ Nghiên cứu các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý khai thác công trình thủy lợi, phát triển thủy lợi đa mục tiêu để phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, cung cấp nước cho dân sinh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

+Nghiên cứu triển khai rộng rãi các hình thức ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động hành chính công, quản lý các doanh nghiệp.

*Trong bảo vệ môi trường và biến đổi khí hậu:*

+ Ứng dụng các thành tựu KH&CN mới nhằm hạn chế, ngăn chặn suy thoái, ô nhiễm môi trường đặc biệt là trong các cơ sở sản xuất tập trung, các khu công nghiệp và các làng nghề; ứng dụng các tiến bộ KH&CN mới nhất trong việc phòng, chống những ảnh hưởng tiêu cực của biến đổi khí hậu.

+ Ứng dụng các công nghệ mới trong điều tra cơ bản, đánh giá hiện trạng tài nguyên khoảng sản, đất đai làm cơ sở cho việc khai thác và sử dụng hợp lý.

+ Nghiên cứu ứng dụng: các công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực giám sát, đánh giá và cảnh báo ô nhiễm môi trường; các công nghệ trong xử lý nước thải công nghiệp, bệnh viện, làng nghề và sinh hoạt với chi phí hợp lý; các công nghệ tiết kiệm năng lượng, công nghệ thân thiện môi trường.

*Trong Y, Dược - Chăm sóc sức khỏe nhân dân:*

+ Nghiên cứu ứng dụng KH&CN tiên tiến hỗ trợ trong việc phòng, chống dịch bệnh và truyền thông giáo dục sức khỏe cộng đồng; các phương pháp chữa bệnh mới, phác đồ điều trị bệnh hiện đại.

+ Nghiên cứu ứng dụng các giải pháp nâng cao chất lượng chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân; nghiên cứu các giải pháp vệ sinh an toàn thực phẩm trong cộng đồng; giải pháp bảo tồn và phát triển cây dược liệu tỉnh Tây Ninh; ứng dụng công nghệ thông tin trong khám chữa bệnh.

*Lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn:*

Nghiên cứu áp dụng các thành tựu mới về khoa học xã hội và nhân văn trong thực tiễn các hoạt động kinh tế - xã hội, khoa học quản lý vào các hoạt động quản lý nhà nước nhằm cung cấp các luận cứ khoa học cho việc hoạch định các chủ trương, chính sách của tỉnh.Tập trung nghiên cứu:

+Thực trạng và đề xuất giải pháp nhằm phát huy tối đa lợi thế, khắc phục những bất lợicủa tỉnh trong quá trình phát triển KT-XH của tỉnh phù hợp với định hướng chung của Đảng và Nhà nước.

+Luận cứ khoa học và thực tiễn xây dựng các giải pháp tăng cường liên kết KH&CN, giáo dục, đào tạo và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

*Trong phát triển vùng, khu, cụm và lĩnh vực ưu tiên đầu tư*

+Nghiên cứu ứng dụng KH&CN vào phát triển các sản phẩm đặc thù từ cao su, mía, mì, mãng cầu, cây dược liệu,. . .các sản phẩm mới sau đường, sau bột mì và các sản phẩm mới từ cao su có lợi thế cạnh tranh phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu.

+ Nghiên cứu xây dựng thương hiệu và quảng bá sản phẩm.

+Nghiên cứu mở rộng thị trường một số sản phẩm mang thương hiệu "Tây Ninh".

- Nhiệm vụ KH&CN chưa triển khai:

Hoạt động KH&CN chưa phát triển tương xứng với tiềm năng, chưa đáp ứng tốt yêu cầu thời kỳ CNH, HĐH của tỉnh, chưa trở thành động lực mạnh mẽ thúc đẩy phát triển KT-XH địa phương. Quản lý KH&CN chỉ mới tập trung ở cấp tỉnh, thiếu cán bộ để tổ chức, tham gia nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng KH&CN ở cấp cơ sở. Một số ngành, địa phương, doanh nghiệp chưa coi trọng việc chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ KH&CN trong ngành, địa phương, đơn vị mình. Do đó sản phẩm tạo ra từ nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao khoa học và công nghệ còn nhỏ lẻ, chưa có sản phẩm nổi bật có ý nghĩa quốc gia, sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra.

Công tác xây dựng và phát triển thương hiệu cho các sản phẩm đặc sản của tỉnh còn chậm, chưa phát huy được lợi thế cạnh tranh. Các mô hình hợp tác xã (HTX) hoặc các hiệp hội ngành nghề từ trước đến nay hoạt động còn hạn chế, nên việc chuyển giao thương hiệu cho HTX quản lý và phát triển thương hiệu còn gặp nhiều khó khăn.

**3. Tình hình thực hiện các giải pháp phát triển KH&CN**

**- Thực hiện các chương trình, đề án KH&CN:**năm 2019, tỉnhtiếp tục thực hiện đổi mới hoạt động quản lý hoạt động nghiên cứu KH&CN theo hướng xóa bỏ cơ chế xin - cho, huy động nguồn lực từ các ngành các cấp, thu hút nguồn nhân lực KH&CN ngoài tỉnh. Tỉnh đã đẩy mạnh thực hiện cơ chế đặt hàng nhiệm vụ từ các tổ chức và cá nhân trên địa bàn tỉnh, nâng cao vai trò trách nhiệm của cơ quan quản lý, Hội đồng tư vấn KH&CN cấp tỉnh nhằm tuyển chọn đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ KH&CN ngày càng trọng tâm hơn và đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra; sau nghiên cứu, kết quả của các đề tài, dự án được đánh giá nghiệm thu ở mức "đạt" trở lên sẽ được chuyển giao đến các tổ chức chủ trì, tổ chức phối hợp thực hiện trong tỉnh tiếp nhận, ứng dụng vào thực tiễn nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quản lý, phát triển ngành, địa phương; trong thay đổi tập quán, quy trình canh tác của nông dân theo hướng ứng dụng KH&CN, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và tính bền vững.

**- Triển khai việc đổi mới cơ chế sử dụng ngân sách nhà nước cho KH&CN, huy động các nguồn lực xã hội đầu tư cho KH&CN:**trong năm

2019 tỉnh không xây dựng cơ chế mới mà tiếp tục vận dụng Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 04/5/2016 của UBND tỉnh Tây Ninh vềviệc Ban hành Quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

**- Xây dựng chính sách thu hút, trọng dụng, đãi ngộ cán bộ KH&CN:**tỉnh không ban hành chính sách thu hút, trọng dụng, đãi ngộcán bộ KH&CN riêng cho ngành mà áp dụng chính sách đào tạo thu hút nhân tài chung của tỉnh tại Quyết định số 27/2015/QĐ-UBND ngày 26/5/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định về chính sách đào tạo sau đại học và thu hút nhân tài.

**- Phát triển thị trường KH&CN:**tỉnh đã ban hành Quyết định số 1043/QĐ-UBND ngày 09/5/2019 Phê duyệt kinh phí "Hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ" cho 01 doanh nghiệp; cấp 01 Giấy chứng nhận doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ;

Phối hợpKhu Công nghệ Phần mềm – Đại học Quốc gia Tp.HCM tổ chức 02 lớp đào tạo về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; tổ chức Hội nghị tuyên truyền, triển khai Chương trình "Hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ; phát triển thị trường công nghệ, tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2017-2020" năm 2019; phối hợp Cục Công tác phía Nam tổ chức Hội thảo "Kết nối chuyển giao công nghệ gạch không nung bê tông nhẹ tại Tây Ninh"; Tổ chức đoàn và gian hàng tham gia hoạt động "Trình diễn, kết nối cung cầu công nghệ và Hội nghị về hoạt động ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương năm 2019" tại Gia Lai.

**-Liên kết trong nước và hội nhập quốc tế về KH&CN:** Chủ động xây dựng và tìm hiểu, nắm bắt thông tin về các chương trình, dự án hợp tác quốc tế về KH&CN của chính phủ, bộ, ngành, các viện nghiên cứu để đề xuất triển khai các nhiệm vụ phù hợp điều kiện thực tế tại đại phương. Đẩy mạnh công tác phối hợp, hợp tác với thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hà Nội, Đồng Nai, Long An, các Viện, Trường và các tỉnh để trao đổi kinh nghiệm, nâng cao chất lượng quản lý Nhà nước về KH&CN nhằm đảm bảo yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh. Tăng cường phối hợp với các đơn vị KH&CN mạnh ngoài tỉnh để chuyển giao, ứng dụng tiến bộ KH&CN trên địa bàn tỉnh.

**III. Tồn tại và khó khăn trong triển khai thực hiện chiến lược**

**- Tồn tại và khó khăn**

+ Kinh phí đầu tư cho KH&CN của tỉnh trong năm 2019 vẫn còn hạn chế, chỉ đạt khoảng 0,8%so với tổng chi ngân sách của tỉnh (thấp hơn nhiều so với mức trung bình của cả nước, đã đạt 1,5 – 2%); hiệu quả sử dụng chưa cao, chưa có cơ chế phù hợp để huy động nguồn lực xã hội đầu tư cho KH&CN. Nguồn kinh phí chi cho KH&CN chủ yếu dựa vào ngân sách nhà nước, các nguồn xã hội hóa khác còn rất thấp.

+ Chưa có phương pháp tính toán hợp lý để định lượng và đánh giá được mức đóng góp cụ thể của KH&CN trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

+Mối liên kết giữa nhà khoa học - nhà quản lý - doanh nghiệp chưa thật sự chặt chẽ. Sản phẩm nghiên cứu chưa thực sự bám sát với nhu cầu doanh nghiệp. Nhiều đề tài nghiên cứu còn ở quy mô nhỏ và tính phổ biến ứng dụng còn hạn chế. Việc đầu tư cho nghiên cứu chưa tập trung giải quyết được những vấn đề lớn, cấp thiết.

+ Tiềm lực KH&CN của tỉnh tuy được quan tâm đầu tư nhưng vẫn chưa đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ, đầu tư của tỉnh cho KH&CN trong những năm qua chủ yếu từ ngân sách nhà nước; hạ tầng KH&CN còn chậm phát triển. Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh có trình độ đại học, trên đại học ngày càng tăng nhưng số người có năng lực nghiên cứu triển khai, ứng dụng KH&CN chưa nhiều mặc dù trong đội ngũ những người làm công tác nghiên cứu, triển khai, ứng dụng KH&CN của tỉnh cũng có nhiều người có kinh nghiệm thực tiễn.

+ Quá trình đầu tư, đổi mới công nghệ còn chậm nên năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp. Chất lượng và hiệu quả nghiên cứu của một số đề tài, dự án còn hạn chế, giá trị khoa học và giá trị thực tiễn chưa cao, khả năng mở rộng việc áp dụng vào sản xuất và đời sống chưa nhiều. Phần lớn cán bộ KH&CN địa phương làm công tác quản lý, công tác sự nghiệp; thiếu cán bộ, chuyên gia giỏi, có kinh nghiệm ở nhiều lĩnh vực và chủ trì, chủ nhiệm các chương trình, đề tài, đề án nghiên cứu ứng dụng KH&CN.

+ Việc phát triển thị trường KH&CN ở tỉnh còn khó khăn, việc gắn kết nhà khoa học, nhà quản lý với nhà sản xuất, kinh doanh còn hạn chế, nên chưa thương mại hóa được kết quả nghiên cứu, số lượng giao dịch mua bán công nghệ còn thấp. Công tác xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm đặc sản của tỉnh còn chậm, chưa phát huy được lợi thế cạnh tranh; Một số doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh vẫn còn tâm lý e ngại về việc đầu tư đổi mới công nghệ (lo ngại về chi phí đầu tư ảnh hưởng đến lợi nhuận) nên chưa quan tâm nhiều đến việc đăng ký tham gia chương trình hỗ trợ theo Quyết định số 53/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh.

+ Việc thành lập Quỹ Phát triển KH&CN địa phương chưa thực hiện được do điều kiện quản lý Quỹ chưa đáp ứng, cơ chế hoạt động quỹ là kiêm nhiệm nên rất khó trong công tác điều hành, thực hiện nghiệp vụ của Quỹ.

**- Nguyên nhân**

+ Nhận thức của xã hội, đặc biệt là các cơ quan quản lý nhà nước còn chưa tương xứng với vai trò, vị trí của KH&CN. Bản chất, tính chất đặc thù của KH&CN chưa được các sở, ban, ngành nhận thức đúng đắn và thật sự coi trọng. Sự hợp tác, phối hợp giữa các sở, ban, ngành và cơ quan quản lý còn chưa đồng bộ, hiệu quả.

+ Công tác chuyển giao, ứng dụng các tiến bộ KH&CN trong lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp chế biến chưa nhiều, còn nhiều hạn chế, trình độ dân trí của các nhà nông tham gia mô hình triển khai của đề tài, dự án đa phần còn thấp, năng lực nắm bắt công nghệ tiên tiến kém nên cần phải có thời gian giúp

nông dân thay đổi cách làm, cách nghĩ để dần thay đổi cách thức sản xuất truyền thống. Vì vậy phát triển KH&CN không chỉ trông chờ đầu tư của Nhà nước, mà cần phải có những cơ chế thu hút, khuyến khích DN chủ động tham gia mạnh mẽ hơn vào nghiên cứu, chuyển giao, liên kết với người nông dân, các cơ sở nghiên cứu khoa học.

+ Chưa xây dựng và triển khai được cơ chế, chính sách để hình thành sự gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu và sản xuất, kinh doanh dẫn đến việc phát triển thị trường KH&CN ở tỉnh còn khó khăn, chưa thương mại hóa được kết quả nghiên cứu, số lượng giao dịch mua bán công nghệ còn thấp. Công tác xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm đặc sản của tỉnh còn chậm, chưa phát huy được lợi thế cạnh tranh. Việc hỗ trợ các doanh nghiệp không đạt hiệu quả do các nội dung tại quy định hỗ trợ là quá chặt chẽ chưa phù hợp với trình độ công nghệ sản xuất và chế độ quản lý thực tế của doanh nghiệp tại địa phương, làm cho doanh nghiệp có dự án cải tiến, đổi mới công nghệ sản xuất khó đáp ứng các điều kiện và ngại tham gia.

+ Các tổ chức KH&CN trên địa bàn tỉnh chưa nhiều, chưa xây dựng được các dịch vụ KHCN chủ lực, chưa trở thành đơn vị nòng cốt trong nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, chưa mang lại hiệu quả cao.

**IV. KIẾN NGHỊ:** không có

Trên đây là báo cáo năm 2019 về tình hình triển khai thực hiện Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011-2020, Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh báo Bộ Khoa học và Công nghệ biết, tổng hợp./.

***Nơi nhận:***
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- PCVP Nhung;
- Phòng VHXH
- Lưu: VT.VP tỉnh.

5

**KT.CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**




Nguyễn Thanh Ngọc

